Thương mại Việt Nam - Trung Quốc: những rủi ro phát triển

PHẠM BÍCH NGỌC

Thương mại Việt Nam - Trung Quốc từ 2001 đến nay, đặc biệt là sau khi Việt Nam gia nhập WTO, luôn trong tình trạng nhập siêu lớn. Chính vì vậy, để giảm nhập siêu của Việt Nam, trước hết và quan trọng nhất là phải giảm nhập siêu với Trung Quốc. Muốn giảm nhập siêu với Trung Quốc, trước hết phải tìm ra căn nguyên của vấn đề nhập siêu này. Bài viết mô tả thực trạng, chỉ ra những nguyên nhân chủ yếu của việc thâm hụt thương mại của Việt Nam với Trung Quốc, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp cho tình trạng trên.

1. Thực trạng quan hệ Việt Nam – Trung Quốc

Từ năm 2001 đến 2013 Việt Nam liên tục nhập siêu của Trung Quốc và con số này ngày càng gia tăng chưa bao giờ giảm. Năm 2007, sau khi Việt Nam gia nhập WTO, nhập siêu từ Trung Quốc của Việt Nam là 9,145 tỷ USD, bằng 64% tổng mức nhập siêu cả năm. Năm 2010, nhập siêu từ Trung Quốc và đã nâng lên mức báo động đỏ: 12,6 tỷ USD, bằng 105% mức nhập siêu cả năm (12 tỷ USD) của Việt Nam. Đến năm 2012, khi lần đầu tiên sau nhiều năm liền cả nước nhập siêu, Việt Nam đã xuất siêu 748,8 triệu USD. Trong khi đó tỷ lệ nhập siêu với Trung Quốc lại tăng mạnh mà không giảm, lên đến 16.3977 tỷ USD. Theo số liệu tổng kết sơ bộ của Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2013, con số này đạt mức 23,7 tỷ USD. Rất nhiều năm nhập siêu từ Trung Quốc chiếm trên 100% tổng nhập siêu của Việt Nam. Năm 2011, nhập siêu của Việt Nam là 9,8 tỷ USD, nhập siêu từ Trung Quốc là 13,3 tỷ USD.

HÌNH 1: **Thực trạng nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc từ 2001 – 2013**

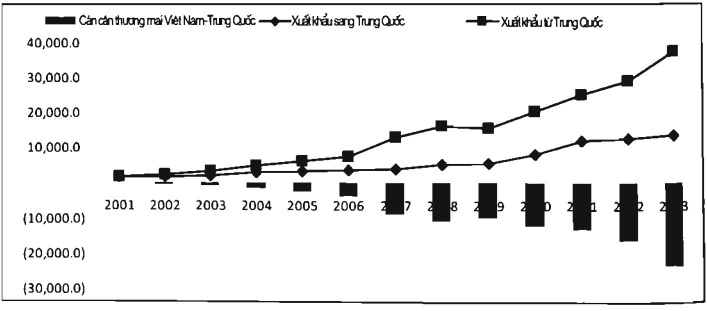

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Phạm Bích Ngọc, ThS., Viện Kinh tế Việt Nam.

Điều này cho thấy, tình trạng nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc trong vòng hơn 10 năm nay là không được cải thiện mà ngày càng gia tăng. Điều này hoàn toàn không giống với các nước ASEAN như: Malaixia, Philippin, Inđônêxia, Thái Lan. Những nước này đều xuất siêu sang Trung Quốc trong những năm gần đây. Năm 2009, Thái Lan xuất siêu sang Trung Quốc 11,5 tỷ USD, Malaixia: 12,5 tỷ USD, Philippin: 3,3 tỷ USD[1].

2. Những rủi ro phát triển

Hiện nay, những đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam là Trung Quốc. Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc... Nếu Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất thì Mỹ là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam. Các quốc gia và khu vực còn lại cũng nắm giữ những vị trí quan trọng trong thương mại quốc tế Việt Nam.

BẢNG 1: **Các đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam năm 2013**

Thị trường xuất khẩu				Thị trường nhập khẩu			
STT	Quốc gia	Kim ngạch (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	STT	Quốc gia	Kim ngạch (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)
1	EU	24,3	18,4	1	Trung Quốc	36,95	28,0
2	Mỹ (nước nhập khẩu số 1 thế giới)	23,9	18,0	2	ASEAN	21,64	16,4
3	ASEAN	18,47	13,9	3	Hàn Quốc	20,7	15,7
4	Nhật Bản (nước nhập khẩu thứ 4 thế giới)	13,7	10,4	4	Nhật Bản	11,6	8,8
5	Trung Quốc (nước nhập khẩu thứ 2 thế giới)	13,26	10,0	5	EU	9,5	7,2
Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2013		132,13	100,0	Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2013		132,11	100,0

Nguồn: Bộ Công thương Việt Nam.

Bảng 1 cho thấy Việt Nam xuất siêu sang khối các nước phát triển EU, Mỹ, Nhật Bản..., trong khi đó lại nhập siêu chủ yếu từ các nước và vùng lãnh thổ Châu Á thuộc khối các nước đang phát triển như Trung Quốc, ASEAN, Hàn Quốc... Điều này có thể đưa ra một số kết luận: 1) Sự nhập siêu này không phải từ khu vực có trình độ công nghệ cao, công nghệ nguồn và có thể làm thay đổi cơ cấu kinh tế Việt Nam theo hướng hiện đại. Điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế xã hội của Việt Nam. 2) Việt Nam đang bán hàng Trung Quốc sang Mỹ..., vì Việt Nam chủ yếu nhập nguyên vật liệu của Trung Quốc về gia công và xuất khẩu sang EU, Mỹ, phần giá trị gia tăng có được là vô cùng ít.

Nhập siêu không phải là xấu, hiện tại Hoa Kỳ, nền kinh tế mạnh nhất hành tinh cũng chịu cảnh nhập siêu trong suốt 3 thập kỷ qua, nhưng nhập siêu cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro phát triển.

2.1. Nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc thể hiện sự yếu kém của nền kinh tế Việt Nam

2.1.1. Chậm chuyển dịch cơ cấu xuất nhập khẩu

Việt Nam đang từng bước tiến tới công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Đây chính là nhiệm vụ cấp thiết mà Đảng và Nhà

1. TS. Hồ Trung Thanh, ThS. Phạm Bích Ngọc (2013). Nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc: thực trạng và giải pháp. Tạp chí Nghiên cứu thương mại số 6 (12-2013).

nước Việt Nam xác định để đưa đất nước từng bước phát triển kinh tế ngày một bền vững ổn định, xóa dần khoảng cách về kinh tế giữa Việt Nam và các nước trên thế giới. Thế nhưng, các ngành sản xuất trong nước vẫn chưa thể đáp ứng được nhu cầu của quá trình hiện đại hóa, do đó Việt Nam có nhu cầu rất lớn trong việc nhập khẩu hàng hóa, trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ hiện đại từ nước ngoài vào.

Cấu trúc xuất nhập khẩu của Việt Nam cho thấy, nền kinh tế Việt Nam đã duy trì quá lâu trong mô hình "giá trị gia tăng thấp", dựa vào khai thác tài nguyên và sản xuất gia công lắp ráp. Về xuất khẩu, hàng hóa Việt Nam xuất sang Trung Quốc chủ yếu là hàng thô chiếm tỷ trọng cao như những mặt hàng nguyên liệu thô (dầu thô, than đá...), hay hàng chưa qua chế biến hoặc mới sơ chế (như gạo, cà phê, cao su, hạt điều...). Những mặt hàng này lại chiếm giá trị thấp hơn so với sản phẩm cùng loại của Trung Quốc. Còn hàng công nghiệp chế tạo xuất khẩu chủ yếu từ các ngành như: dệt may, giày da, điện tử...., cho đến nay chủ yếu chỉ là gia công ở giai đoạn cuối, giá trị gia tăng vẫn còn thấp, trong khi phần giá trị nguyên vật liệu nhập khẩu từ Trung Quốc là rất lớn. Điều này cho thấy Việt Nam còn nhiều hạn chế trong những ngành xuất khẩu có giá trị gia tăng cao. Nguyên nhân là do chiến lược và chính sách xuất nhập khẩu của Việt Nam còn nhiều hạn chế, chỉ chú trọng tăng kim ngạch và khối lượng hàng xuất khẩu, không chú trọng phát triển năng lực sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao mang lại giá trị thực cho nền kinh tế. Việc nhập khẩu các sản phẩm trung gian và hàng hóa cơ bản là tất yếu. Hơn nữa, Trung Quốc lại rất có lợi thế trong việc cung cấp các mặt hàng này. Còn nhập khẩu hàng hóa để tăng năng lực sản xuất và nâng cao trình độ của các ngành trong nước là yếu và thiếu. Ngoài ra, sự liên kết giữa các nhóm ngành xuất khẩu là hầu như không có.

Tóm lại, giá trị gia tăng thấp của khu vực xuất khẩu, cầu nội địa gia tăng làm cho thâm hụt thương mại ngày một trầm trọng.

2.1.2. Công nghệ thứ cấp, lạc hậu

Với mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, Việt Nam hầu như chưa chú trọng đến việc phát triển thị trường khoa học công nghệ. Công nghệ mà Việt Nam hiện nay nhập khẩu là công nghệ thấp từ các nước ASEAN và Trung Quốc. Có ý kiến cho rằng, Việt Nam trở thành "bãi phế thải" công nghiệp lạc hậu của Trung Quốc. Công nghệ mà Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là công nghệ trung bình, lạc hậu không giúp nhiều cho việc cải thiện trình độ công nghệ của nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh dài hạn. Càng nhập siêu và càng nhập những công nghệ trung bình, lạc hậu thì càng khó có được năng lực cạnh tranh và tiếp tục phải nhập siêu là tất yếu. Hiện nay, Việt Nam đang xúc tiến đàm phán ký kết các FTA với các nước có trình độ phát triển cao hơn Trung Quốc như Hoa Kỳ, EU (đàm phán trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương – TPP, FTA với EU). Nếu đàm phán thành công và tham gia ký kết các hiệp định này, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu công nghệ, thiết bị tiên tiến hơn từ các đối tác nói trên.

2.1.3. Thiếu công nghiệp phụ trợ

Hiện nay, một số ngành công nghiệp có thế mạnh của Việt Nam như điện tử, dệt may, da giày, lắp ráp ô tô, xe máy... hầu như chưa có công nghiệp hỗ trợ đi kèm, nên phải phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt từ thị trường Trung Quốc, khiến sản xuất nhiều khi còn manh mún, bị động, chi phí sản xuất cao. Phát triển nguyên, phụ liệu trong nước đang phải chịu áp lực cạnh tranh gay gắt với sản phẩm của Trung Quốc do họ có thời gian sản xuất lâu đời, quy mô lớn, mẫu mã đa dạng, giá rẻ.

Đặc điểm của công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam là: 1. Do các doanh nghiệp vừa và nhỏ đảm nhiệm. Trong quá trình hội nhập, các

doanh nghiệp vừa và nhỏ của ngành công nghiệp sẽ chịu thiệt thòi nhất. 2. Công nghiệp phụ trợ còn hết sức đơn giản, quy mô nhỏ lẻ, chủ yếu sản xuất các linh kiện chi tiết giản đơn, giá trị gia tăng thấp và có sự chênh lệch về năng lực phụ trợ giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ nội địa của Việt Nam với các yêu cầu của các hãng sản xuất toàn cầu. 3. Chính những bất cập của chính sách gây cản trở việc phát triển công nghiệp phụ trợ trong nước. Đó là, doanh nghiệp xuất khẩu mua nguyên phụ liệu từ các nhà sản xuất trong nước phải đóng trước khoản thuế VAT 10%, sau đó khi họ xuất khẩu thành phẩm thì mới được thực hiện khấu trừ. Trong khi đó, nếu doanh nghiệp làm hàng xuất khẩu, mà nhập khẩu vật tư phụ liệu thì không phải đóng trước thuế VAT và sẽ được Nhà nước cho thiếu trong vòng 90 ngày, sau đó tính theo hình thức tạm nhập tái xuất, tức doanh nghiệp không phải đóng khoản thuế này.

Việc công nghiệp phụ trợ của Việt Nam còn yếu và thiếu cũng là nguyên nhân quan trọng khiến cho Việt Nam càng phải nhập nhiều hơn nữa nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và sẽ càng làm cho con số nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc tăng cao.

2.1.4. Một lượng lớn hàng hóa xuất nhập "lậu" qua đường tiểu ngạch

Nhập siêu quá lớn là vấn đề nổi cộm trong quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc. Đặc biệt, số liệu của Việt Nam và số liệu của Trung Quốc cho thấy chênh lệch khá lớn. Số liệu thâm hụt thương mại của Việt Nam với Trung Quốc do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố luôn nhỏ hơn số liệu của Tổng cục Thống kê Trung Quốc công bố rất nhiều. Đỉnh điểm năm 2011, con số này chênh lệch lên đến 4.719,3 triệu USD. Điều này được lý giải bởi một lượng hàng hóa với quy mô lớn được "nhập lậu" và "xuất lậu" tiểu ngạch qua biên giới mà các cơ quan quản lý của Việt Nam chưa quản lý được. Khi hàng hóa buôn lậu ồ ạt qua biên giới, không chịu thuế nhập khẩu sẽ "bóp chết" các doanh nghiệp sản xuất trong nước vì phải chịu các mức thuế và chi phí cao. Ngoài buôn lậu, các doanh nghiệp Trung Quốc cũng tích cực sử dụng các chiêu bài lách luật, trốn thuế....

BẢNG 1: **Báo cáo tình hình thương mại Việt Nam - Trung Quốc của Việt Nam và Trung Quốc từ 2001 - 2012** *Đơn vị: Triệu USD*

Năm	Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc		Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc		Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc		Cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc	
	Tổng cục Thống kê Trung Quốc	Tổng cục Thống kê Việt Nam	Tổng cục Thống kê Trung Quốc	Tổng cục Thống kê Việt Nam	Tổng cục Thống kê Trung Quốc	Tổng cục Thống kê Việt Nam	Tổng cục Thống kê Trung Quốc	Tổng cục Thống kê Việt Nam
2001	1.010,8	1.417,4	1.797,8	1 606,2	2.808,6	3.023,6	-787,0	-188,8
2002	1.115,9	1.518,3	2.148,4	2.158,8	3.264,3	3.677,1	-1.032,5	-640,5
2003	1.456,7	1.883,1	3.182,7	3.138,6	4.639,4	5.021,7	-1.762,0	-1.255,5
2004	2.482,0	2.899,1	4.260,0	4.595,1	6.742,0	7.494,2	-1.778,0	-1.696,0
2005	2.552,8	3.228,1	5.643,9	5.899,7	8.196,7	9.127,8	-3.091,1	-2.671,6
2006	2.486,1	3.242,8	7.463,3	7.391,3	9.949,4	10.634,1	-4.977,2	-4.148,5
2007	3.226,3	3.646,1	11.891,3	12.710,0	15.117,6	16.356,1	-8.665,0	-9.063,9
2008	4.336,3	4.850,1	15.122,1	15.973,6	19.458,4	20.823,7	-10.785,8	-11.123,5
2009	4.747,5	5.403,0	16.297,7	15.411,3	21.045,2	20 814,3	-11.550,2	-10 008,3
2010	6.984,5	7.742,9	23.101,5	20.203,6	30.086,0	27 946,5	-16 117,0	-12.460,7
2011	11.117,7	11.613,3	29.090,1	24.866,4	40.207,8	36.479,7	-17.972,4	-13.253,1
2012	16.231,3	12.388,2	34.208,1	28.785,9	50.439,4	41.174,1	-17.976,8	-16.397,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê Trung Quốc: www.data stats.gov cn. Tổng cuc Thống kê Việt Nam: www.gso gov.vn

2.1.5. Yếu kém trong công tác quản lý xuất nhập khẩu

Việt Nam nhập siêu cũng còn một nguyên nhân quan trọng đó là do hệ thống quản lý điều hành của Việt Nam còn yếu. Chính tình trạng tham nhũng, đầu tư dàn trải, lãng phí, thiếu trách nhiệm của một số cán bộ trong quản lý nhập khẩu là lý do giải thích tại sao việc nhập lậu hàng Trung Quốc qua biên giới lại ngày càng gia tăng. Hơn nữa, Việt Nam hiện nay vô cùng yếu trong việc thẩm định chất lượng các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc. Việt Nam hoàn toàn chưa áp dụng một cách hiệu quả các hàng rào đối với nhập nhẩu theo nguyên tắc thương mại tự do như TBT, SPS.

2.2. Nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc thể hiện quan hệ "phụ thuộc" của nền kinh tế Việt Nam vào Trung Quốc

2.2.1. Phần lớn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất đều nhập khẩu từ Trung Quốc

Một nửa hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc là hàng thô, sơ chế, trong khi nhập khẩu lại là hàng tinh chế (chiếm 85%). Đồng thời các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam cũng đang sử dụng 80% công nghệ và nguyên liệu của Trung Quốc để phục vụ sản xuất. Điều này dẫn đến sự lệ thuộc quá mức của nền kinh tế Việt Nam vào Trung Quốc và gây bất lợi cả khía cạnh kinh tế, tài chính và xã hội.

Công nghiệp, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu hàng công nghiệp phụ trợ, sản phẩm trung gian và máy móc từ Trung Quốc như máy móc, xăng dầu, điện, nguyên phụ liệu và sản phẩm dệt may, da giày, hóa chất, điều hòa, máy tính, điện thoại di động, một số loại vật liệu xây dựng và một số mặt hàng khác. Đặc điểm cơ bản của hàng hóa công nghiệp chủ lực nhập khẩu từ Trung Quốc về Việt Nam là chất lượng thấp, giá rẻ, nhiều loại chưa có nguồn gốc rõ ràng do nhập lậu, đặc biệt đồ dùng gia dụng. Ngoài ra, hàng trung gian là nhóm hàng lớn nhất trong nhập khẩu từ Trung Quốc. Giá trị tăng mạnh từ gần 5,0 tỷ USD năm 2006 lên 19,5 tỷ năm 2012. Tỷ trọng hàng trung gian trong nhập khẩu từ Trung Quốc tăng liên tục từ 41,3% năm 2000 lên 67,8% năm 2012. Hàng hóa vốn đạt 5,9 tỷ USD năm 2012, chiếm 20,6% tỷ trọng nhập khẩu từ Trung Quốc năm 2012. Tỷ trọng hàng hóa vốn và hàng hóa trung gian trong nhập khẩu từ Trung Quốc có biến động theo từng năm nhưng luôn vượt mức 80% kể từ năm 2006. Điều này càng chứng tỏ Việt Nam phụ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc vì toàn bộ máy móc, công nghệ và đầu vào sản xuất của Việt Nam đều là từ Trung Quốc.

Nông nghiệp, chủ yếu là "đầu vào" để phát triển nông nghiệp Việt Nam như cây – con giống, phân bón, thức ăn gia súc... Theo Bộ Công thương Việt Nam, hiện nay khoảng 49% phân bón, thuốc trừ sâu nhập khẩu của Việt Nam là từ Trung Quốc.

BẢNG 2: **Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Trung Quốc năm 2013**

STT	Mặt hàng	Giá trị (1000 USD)
1	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	6.567.814
2	Điện thoại các loại và linh kiện	5.698.009
3	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	4.491.921
4	Vải các loại	3.887.791
5	Sắt thép các loại	2.397.059
6	Xăng dầu các loại	1.268.130
7	Nguyên phụ liệu dệt may, da, giày	1.195.118
8	Phân bón các loại	853.467
9	Hóa chất	840.664
10	Sản phẩm từ sắt thép	836.249
11	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	693.669
12	Sản phẩm từ chất dẻo	685.856
13	Kim loại thường khác	575.248
14	Sản phẩm hóa chất	538.831
15	Xơ, sợi dệt các loại	465.714
16	Chất dẻo nguyên liệu	433.275
17	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	385.732
18	Dây điện và dây cáp điện	363.057
19	Khí đốt hóa lỏng	319.524

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Nếu quan hệ Việt Nam – Trung Quốc căng thẳng, Trung Quốc có thể sẽ hạn chế xuất khẩu một số mặt hàng sang Việt Nam. Về công nghiệp là nhóm nguyên liệu sản phẩm trung gian trong các ngành dệt may, giày dép, các linh kiện điện tử.... Về nông nghiệp là giống, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin cho người và gia súc... Do đó, Việt Nam cần phải có phương án chủ động tìm các đối tác thay thế.

2.2.2. Phần lớn các dự án tổng thầu EPC do nhà thầu Trung Quốc nắm giữ

Có phải vì Trung Quốc đang tăng cường thực hiện chiến lược "đi ra ngoài", khuyến khích đầu tư ra các nước ASEAN trong đó có Việt Nam nên Trung Quốc hiện nay là nhà thầu lớn nhất nắm giữ rất nhiều dự án trọng điểm trong lĩnh vực an ninh năng lượng của Việt Nam? Theo thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, trong 20 năm qua, 90% FDI của Trung Quốc vào Việt Nam và Trung Quốc cũng nắm giữ 90% các gói thầu EPC của Việt Nam tập trung vào các dự án trọng điểm như điện, khai khoáng, dầu khí, luyện kim, hóa chất.... [2]

Nguyên nhân chủ yếu là do: i) Luật Đấu thầu của Việt Nam ưu tiên các nhà thầu có giá bỏ thầu thấp mà không quan tâm đến nguồn gốc xuất sứ về chất lượng thiết bị. Trung Quốc luôn chiếm được lợi thế về giá so với tất cả các nước khác. ii) Năng lực quản lý chủ đầu tư của Việt Nam còn hạn chế. Điều này dẫn đến việc nhà thầu sử dụng 100% thiết bị vật liệu và lao động phổ thông của Trung Quốc trên các công trường xây dựng.

Kết quả là: i) Chậm tiến độ. ii) Giá hợp đồng đội lên do thay đổi thiết bị so với cam kết ban đầu, thay đổi tiêu chuẩn vật liệu, thay đổi hoặc bổ sung nhà cung cấp[3]. Việc chậm tiến độ đối với những dự án trong lĩnh vực năng lượng thậm chí còn ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của đất nước. iii. Đem toàn bộ vật tư sắt thép, phụ tùng, phụ kiện (có thể chế tạo tại Việt Nam) thậm chí cả lao động phổ thông sang làm tại các công trình mà họ làm tổng thầu. Điều này có thể nói với tỷ lệ nhập siêu 100% nhóm thiết bị đồng bộ này khiến cho tốc độ nhập siêu từ Trung Quốc của Việt Nam luôn tăng nhanh. Nếu năm 2002 nhập siêu từ Trung Quốc là hơn 640 triệu USD thì sau 10 năm, năm 2012, con số này lên đến hơn 16 tỷ USD, năm 2013 hơn 23 tỷ USD. Trong đó nhập siêu nhóm thiết bị đồng bộ hàng năm lên tới 10 tỷ USD.

3. Xu hướng nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc trong tương lai và những biện pháp hạn chế

Phần trên đã chỉ ra những rủi ro trong phát triển của nền kinh tế Việt Nam do tình trạng nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc diễn ra trong một thời gian dài và vô cùng nghiêm trọng. Ngoài ra, còn có phải do Trung Quốc - "cường quốc láng giềng" có ý đồ thâu tóm, không muốn kinh tế Việt Nam phát triển mà phải phụ thuộc vào Trung Quốc? Dù là do Trung Quốc hay Việt Nam, trong ngắn hạn, nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc chưa thể giải quyết được. Việt Nam vẫn cần nhập khẩu từ Trung Quốc để

2 Viện Nghiên cứu cơ khí-NARIME (Bộ Công thương) đưa ra con số cụ thể hơn: ngành công nghiệp ximăng có 23/24 nhà máy do Trung Quốc làm tổng thầu EPC, tỷ lệ nội địa hóa trong nước rất thấp không lớn hơn 3% (phần lớn là 0%); nhiệt điện đốt than: 15/20 dự án do nhà thầu Trung Quốc trúng thầu EPC với tỷ lệ nội địa hóa 0%. Ngành công nghiệp nhôm và bauxite, cả 2 dự án bauxite do Tập đoàn công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam làm chủ đầu tư đều do Trung Quốc làm tổng thầu EPC với tỷ lệ nội địa hóa chỉ vỏn vẹn 2%. Trong 10 dự án trọng điểm về hạ tầng, giao thông, năng lượng, hoá chất, luyện kim của Việt Nam đều có nhà thầu Trung Quốc tham gia như: công trình đường sắt đô thị Cát Linh-Hà Đông, đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng, Hà Nội-Lào Cai, nhà máy gang thép Lào Cai, nhiệt điện Duyên Hải 1, nhiệt điện Mông Dương 2...

3. Dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông có tổng mức đầu tư 552 triệu USD (thời giá năm 2008), trong đó, vốn ODA Trung Quốc là 419 triệu USD do Công ty hữu hạn Tập đoàn cục 6 đường sắt Trung Quốc thực hiện theo hình thức tổng thầu EPC. Dự án này khởi công từ tháng 8 2008 và dự kiến hoàn thành tháng 11-2013. Tuy nhiên, với lý do chậm tiến độ do giải phóng mặt bằng, nhiều hạng mục thay đổi, biến động về giá nguyên liệu... khiến cho tổng mức đầu tư dự án đến thời điểm này đã bị đội giá từ 552 triệu USD lên mức 891 triệu USD

bù đắp thiếu hụt của nền kinh tế để phục vụ công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa của Việt Nam.

Hiện tại Trung Quốc đưa ra rất nhiều chính sách khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghệ cao, nên rất có thể Việt Nam là điểm đến thuận lợi cho những công nghệ thấp, lạc hậu của Trung Quốc. Ngoài ra, tiền lương nhân công lao động ở Trung Quốc tăng lên nên Trung Quốc khó có thể duy trì được lao động giá rẻ, nhưng liệu Việt Nam có phải là lựa chọn của các nhà đầu tư nước ngoài không khi năng suất lao động của công nhân Việt Nam rất thấp. Số liệu của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) công bố mới đây cho thấy, năng suất lao động của Việt Nam năm 2013 thuộc nhóm thấp nhất Châu Á - Thái Bình Dương, thấp hơn Xingapo 15 lần, Nhật Bản 11 lần và Hàn Quốc 10 lần. Ngay cả khi chỉ so sánh với các quốc gia láng giềng trong khối ASEAN có mức thu nhập trung bình thì năng suất lao động Việt Nam cũng chỉ bằng 1/5 Malaixia và 2/5 Thái Lan[4]. Thêm vào nữa là đồng Nhân dân tệ tăng giá, năm 2015, Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các cam kết ACFTA... Với các xu hướng này, Việt Nam vẫn đứng trước thách thức nhập siêu với quy mô lớn từ Trung Quốc. Nhưng nhập siêu như thế nào để có thể là "thoát Trung bền vững", không bị rơi vào tình trạng quan hệ thương mại và đầu tư kiểu Bắc – Nam để giúp Việt Nam thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình là một câu hỏi lớn. Bài viết xin đưa ra một số giải pháp "thoát Trung bền vững" đối với Việt Nam:

3.1. Đối với Chính phủ

Việt Nam cần tăng cường tái cơ cấu theo hướng hiện đại: nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng cao năng lực sản xuất nội địa, nâng cao chất lượng hàng hóa là yêu cầu cấp thiết đối với sản xuất của Việt Nam. Trong bối cảnh quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc căng thẳng, nếu trong ngắn hạn, có thể ảnh hưởng lớn đến kinh tế Việt Nam. Nhưng trong dài hạn, đó lại là cơ hội để Việt Nam thúc đẩy việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu theo hướng hiện đại.

Thứ nhất, Chính phủ cần có chính sách điều chỉnh cơ cấu hàng xuất nhập khẩu phù hợp theo hướng hạn chế nhập khẩu, chú trọng đẩy mạnh xuất khẩu. Muốn hạn chế nhập khẩu tốt, Chính phủ cần đưa ra quy hoạch cụ thể những mặt hàng ưu tiên nhập khẩu, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn về hàng nhập khẩu (tiêu chuẩn chất lượng, môi trường, vệ sinh an toàn...). Quản lý chặt tiểu ngạch bằng cách xử lý nghiêm hàng hóa không rõ xuất xứ, hàng hóa gian lận thương mại, hàng kém chất lượng, hàng giả ngay từ cửa khẩu. Những mặt hàng không đảm bảo chất lượng hoặc gây nguy hại đến môi trường, sức khỏe người tiêu dùng phải kiên quyết tiêu hủy hoặc buộc tái xuất. Lập hàng rào kỹ thuật hoặc đưa lên "danh sách đen" những mặt hàng cấm nhập... Khai thác lợi thế hàng xuất khẩu của Việt Nam, xác định rõ trọng điểm xuất khẩu Việt Nam, khai thác các thị trường tiềm năng để đẩy mạnh xuất khẩu ra thị trường thế giới. Kết hợp chặt chẽ các chương trình xúc tiến thương mại của quốc gia, các ngành, địa phương và doanh nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu vốn, cơ sở hạ tầng, kho bãi... Điều chỉnh cơ cấu hàng xuất nhập khẩu phải trên nguyên tắc chắc chắn, dài hơi. Muốn vậy cần phải có sự phối hợp đồng bội với các chính sách đầu tư, công nghiệp và đặc biệt là chính sách tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế.

Thứ hai, Việt Nam cần phải đặt nặng yêu cầu về chất lượng, nhìn rõ tầm quan trọng của vấn đề an ninh năng lượng, an ninh quốc gia. Cần phải có những điều luật rõ ràng quy định những danh mục cấm các nhà thầu tham gia các công trình trọng điểm, hoàn thiện khung khổ pháp lý đối với

4. http://www.baomoi.com/Tan-tao-ma-nang-suat-van-thap/45/14822298.epi

hoạt động đấu thầu, tạo điều kiện hơn cho nhà thầu trong nước và vật tư, sản phẩm chế tạo trong nước. Đưa nguồn gốc xuất xứ hàng hoá vào tiêu chí đánh giá có mức độ ưu tiên cho phần dịch vụ thiết bị chế tạo trong nước, không chỉ xét tiêu chí giá rẻ, mà cần quan tâm đến vòng đời kỹ thuật dự án.

Thứ ba, muốn nâng cao chất lượng điều quan trọng và tiên quyết là cần đẩy mạnh việc nhập khẩu và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Đưa ra các chính sách khích lệ doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến vào Việt Nam. Việc ký kết thành công Hiệp định TPP cũng sẽ giúp thúc đẩy đầu tư cải thiện công nghệ, thu hút công nghệ nguồn từ các nước có nền kinh tế hàng đầu thế giới như Mỹ, Australia.... Ngoài ra, Việt Nam cũng cần tạo điều kiện để các doanh nghiệp có đủ năng lực ứng dụng công nghệ mới thúc đẩy tăng tốc chuyển giao công nghệ vào các ngành, lĩnh vực bằng cách thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, phát triển doanh nghiệp khoa học - công nghệ để tăng nguồn cung sản phẩm công nghệ mới cho thị trường.

Thứ tư, giảm phụ thuộc vào việc nhập nguyên vật liệu sản xuất, cần đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài ở các lĩnh vực như công nghiệp phụ trợ. Phát triển ngành công nghiệp phụ trợ là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Chính phủ Việt Nam và được kỳ vọng sẽ làm thay đổi bộ mặt của ngành công nghiệp Việt Nam.

Thứ năm, xây dựng khu công nghiệp mang tính chất liên hoàn, các khu kinh tế đặc biệt trở thành mũi nhọn trong nền kinh tế Việt Nam. Giáo sư Michael Porter và các đồng sự tại CIEM và Học viện Năng lực cạnh tranh Châu Á kiến nghị nên tập trung vào các lĩnh vực liên quan đến thu hút đầu tư, phát triển kỹ năng lao động, khu công nghiệp... Ông và các đồng sự cũng đề xuất một số mô hình thí điểm như cụm ngành điện tử - cơ khí tại Hà Nội, cụm du lịch ở miền trung hay cụm ngành dệt may, logistics tại TP HCM...[5].

Thứ sáu, đẩy mạnh ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTAs) đặc biệt là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP, Hiệp định Thương mại Việt Nam – EU (EVFTA) ký kết thành công sẽ đẩy mạnh xuất khẩu sang khu vực đã ký kết FTA, mang lợi ích tốt nhất cho doanh nghiệp và nền kinh tế, đặc biệt là trong hạn chế sự phụ thuộc quá lớn vào thương mại với Trung Quốc. Trong quá trình đàm phán, Việt Nam cần có phương án đàm phán mềm dẻo nhưng kiên quyết về lợi ích xuất khẩu của doanh nghiệp, bao gồm các vấn đề về ưu đãi thuế quan, quy tắc xuất xứ phù hợp với cơ cấu, phương thức sản xuất, các hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), vệ sinh dịch tễ (SPS) hợp lý, khoa học và không bị lạm dụng..., trong đó đặc biệt chú trọng đàm phán các cơ chế tiếp cận thị trường cho nông sản, nhằm đa dạng hóa thị trường đối với sản phẩm nhạy cảm và hiện đang phụ thuộc rất lớn vào thị trường Trung Quốc. Việt Nam cũng cần có những phương án đàm phán tích cực hơn, mạnh dạn hơn trong việc mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa là máy móc, thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, phương tiện và các sản phẩm khác mà Việt Nam đã bảo hộ lâu nay nhưng không hiệu quả hoặc hiện đang phụ thuộc vào nguồn cung từ Trung Quốc.

Thứ bảy, đa dạng hóa quan hệ với các đối tác, tăng cường quan hệ với các nước Nhật Bản, Ấn Độ, Nga... để mở rộng thị trường xuất khẩu và có thêm nhiều khả năng lựa chọn đối tác nhập khẩu thay thế cho Trung Quốc. Ví dụ, về thị trường dệt may, Ấn Độ có thể là đối tác tiềm năng thay thế cho Trung Quốc.

Thứ tám, thống nhất thông tin, tăng cường công tác truyền thông, tạo sự đồng thuận trong dân, đồng thời có sự chỉ đạo kịp thời, nhất quán trong từng trường hợp cụ thể.

5. http.//www.meliasoft.com/Default.aspx?tabid=69&Category ID=3&News=257

3.2. Đối với doanh nghiệp

Doanh nghiệp và thương nhân là chủ thể trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc, cần có kế hoạch khai phá thị trường mới, tận dụng lợi thế của những thị trường đã được hưởng ưu đãi thuế quan nhằm tăng kinh ngạch xuất khẩu, giảm nhập siêu từ Trung Quốc. Muốn vậy, doanh nghiệp cần:

- Đưa việc lựa chọn đối tác lâu dài lên hàng đầu, cần tìm những bạn hàng có tiềm năng, tin cậy để hợp tác lâu dài, tránh việc làm ăn chụp giật, lợi dụng quan hệ để kiếm lời. Trong quá trình tìm kiếm đối tác, ngoài những doanh nghiệp đối tác tin cậy Trung Quốc, cần mở rộng tìm kiếm thêm nguồn nguyên liệu từ các nước thay thế dần nguồn cung từ Trung Quốc để giảm sự phụ thuộc quá lớn vào Trung Quốc. Gia tăng việc xuất khẩu bằng con đường chính ngạch, hạn chế tiểu ngạch.

- Xây dựng một hình ảnh tin cậy trước các đối tác, đặc biệt là đối tác nước ngoài. Muốn làm được vậy cần chứng minh năng lực cụ thể của doanh nghiệp bằng chất lượng sản phẩm, mẫu mã đa dạng, độc đáo, tìm được phân khúc thị trường hợp lý, tạo nên thương hiệu riêng của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Chủ động kích thích sản xuất trong nước như đặt hàng, đấu thầu trong nước trước khi nhập khẩu. Các doanh nghiệp cần kiên trì kết hợp cùng nhau thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ những sản phẩm cùng loại. Các doanh nghiệp và thương nhân trong từng ngành hàng có thể thống nhất về giá cả, phương thức mua bán, thanh toán, tránh tình trạng tranh mua, tranh bán gây thiệt hại cho chính các doanh nghiệp Việt Nam. Cần phát huy vai trò của các hiệp hội, ngành nghề trong quá trình phân công và hợp tác giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành.

- Chủ động tham gia sản xuất các mặt hàng công nghiệp phụ trợ, sản phẩm trung gian trong chuỗi giá trị. Từ đó, Việt Nam có thể giảm được nhập siêu những sản phẩm trung gian từ "công xưởng của thế giới". Để làm được vậy, bản thân các doanh nghiệp cũng cần có chính sách thu hút và phát triển nhân tài một cách phù hợp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Hồ Trung Thanh, ThS. Phạm Bích Ngọc (2013), Nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc: thực trạng và giải pháp, Tạp chí Nghiên cứu thương mại số 6 (12-2013)

2. TS. Hồ Trung Thanh (2011), Nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc: thực trạng và giải pháp, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 180 số 1-2011.

3. TS. Nguyễn Đình Liêm (2012), Quan hệ thương mại Việt Trung và vấn đề nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 10 (134)-2012.

4. PGS.TS. Hoàng Sỹ Động (2011), Bàn về hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc, Tạp chí Quản lý kinh tế, số 43 (9+10/2011)